



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	01					HP, ĐK
2	000002	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	01	34	5,8	1	Mỹ Anh	Chấn
3	000003	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	01	35	3,5	1	Phương Anh	Lê
4	000004	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	01	36	7,0	1	Anh Tuấn	Chấn
5	000005	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01	37	4,0	1	Anh Duy	Lê
6	000006	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	01	38	5,8	1	Chuyên Thị	Chấn
7	000007	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	01	39	7,5	1	Đạt Nguyễn	Lê?
8	000008	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	01	40	5,0	1	Diệp Lê	Chấn
9	000009	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	01	41	2,8	1	Đức Nguyễn	Lê
10	000010	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01	42	6,5	1	Dung Nguyễn	Chấn
11	000011	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	01	43	5,5	1	Hạnh Vũ	Lê
12	000012	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	01	44	4,0	1	Hiếu Lương	Chấn
13	000013	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	01	45	5,3	1	Hương Bùi	Lê
14	000014	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01	46	3,0	1	Khánh Lê	Chấn
15	000015	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	01	47	7,3	1	Khiêm Phạm	Lê
16	000016	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	01	48	5,5	1	Lan Cao	Chấn
17	000017	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	01	49	5,3	1	Linh Nguyễn	Lê
18	000018	1001011365	Hân Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	01	50	4,0	1	Long Hân	Chấn
19	000019	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01	51	4,0	1	Long Trịnh	Lê
20	000020	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	01	52	6,0	1	Ly Trần	Chấn
21	000021	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01	53	3,3	1	Lý Nguyễn	Lê
22	000022	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	01	54	4,3	1	Minh Đào	Chấn
23	000023	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	01	55	5,8	1	Minh Nguyễn	Lê
24	000024	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	01	56	3,5	1	Nghĩa Nguyễn	Chấn
25	000025	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01	57	2,5	1	Ngọc Phạm	Lê
26	000026	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	01	58	2,3	1	Nhi Đỗ	Chấn
27	000027	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	01	59	4,0	1	Phong Trần	HP
28	000028	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01	60	2,3	1	Quân Đỗ	Chấn
29	000029	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01					HP
30	000030	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	01	61	4,0	1	Tài Phạm	Chấn
31	000031	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	01	62	6,0	1	Thành Nguyễn	Lê
32	000032	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	01	63	4,8	1	Thảo Hoàng	Chấn
33	000033	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	01	64	4,5	1	Thiên Lý	Lê
34	000034	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	01	65	3,0	1	Thu Vũ	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32.

Tổng số tờ giấy thi: 32.

Tổng số biên bản: 0.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T.T. Hoàng

Vũ Thị Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	01	99	4,8	01	Đỗ	lẻ
2	000036	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	01	100	6,3	01	Nguyễn	chẵn
3	000037	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01	101	6,5	01	Toàn	lẻ
4	000038	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	01	102	8,3	02	Bùi	chẵn
5	000039	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	01	103	7,0	02	Hà	lẻ
6	000040	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	01	104	5,0	01	Việt	HP ĐK nộp chẵn
7	000041	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	01					HP, ĐK
8	000042	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	01	105	2,0	01	Đinh	chẵn (Mới)
9	000043	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	02	106	7,8	02	An	lẻ
10	000044	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	02	107	5,3	01	Anh	chẵn
11	000045	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	02	108	5,0	01	Anh	lẻ
12	000046	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	02	109	4,0	01	Anh	chẵn
13	000047	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	02					Vắng
14	000048	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	02	110	5,8	01	Anh	chẵn
15	000049	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	02	111	3,3	01	Anh	lẻ
16	000050	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	02	112	2,3	01	Cường	chẵn
17	000051	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	02	113	2,8	01	Đặng	lẻ
18	000052	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	02	114	3,5	01	Hải	chẵn
19	000053	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	02	115	5,8	01	Hậu	lẻ
20	000054	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	02	116	3,5	01	Xuân	chẵn?
21	000055	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	02	117	5,3	01	Hoàn	lẻ
22	000056	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	02	118	5,0	01	Hường	chẵn
23	000057	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	02	119	8,5	01	Huyền	lẻ
24	000058	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	02	120	5,8	01	Huyền	chẵn
25	000059	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	02	121	4,0	01	Thanh	lẻ
26	000060	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	02	122	3,3	01	Lam	chẵn
27	000061	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	02	123	4,3	01	Lâm	lẻ
28	000062	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	02	124	5,0	01	Gia	chẵn
29	000063	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	02	125	6,8	01	Thùy	lẻ
30	000064	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	02	126	2,5	01	Đức	chẵn
31	000065	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	02	127	5,8	01	Ly	lẻ
32	000066	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	02	128	4,0	01	Hoàng	chẵn
33	000067	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	02	129	4,0	01	Nam	lẻ
34	000068	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	02	130	6,5	01	Nghĩa	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 25 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Kim Dung

Nguyễn T. Kim Dung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000069	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	02	66	4,0	01	Nhi	le'
2	000070	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	02	67	5,0	01	Phương	chấn
3	000071	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	02	68	5,0	01	Quân	le'
4	000072	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	02	69	6,0	01	Son	chấn
5	000073	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	02	70	5,5	02	Tâm	le'
6	000074	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	02	71	6,5	01	Thảo	chấn
7	000075	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	02	72	2,8	01	Thịnh	le'
8	000076	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	02	73	5,8	01	Thư	chấn
9	000077	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	02	74	5,0	01	Thùy	le'
10	000078	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	02	75	4,0	01	Trà	chấn
11	000079	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	02	76	5,3	01	Trang	le'
12	000080	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	02	77	7,3	02	Trang	chấn
13	000081	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	02	78	3,8	01	Vũ	le'
14	000082	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	02	79	4,8	1	Xuân	chấn
15	000083	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	02					ĐK
16	000084	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	03					ĐK
17	000085	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	03	80	4,0	1	Hiền	le'
18	000086	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	03	81	4,0	1	Anh	chấn
19	000087	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	03	82	7,0	2	Đan	le'
20	000088	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	03	83	5,3	01	Đạt	chấn
21	000089	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	03	84	4,8	01	Dịu	le'
22	000090	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	03	85	6,5	01	Đức	chấn
23	000091	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	03	86	3,0	02	Dung	le'
24	000092	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	03	87	3,0	01	Dương	chấn
25	000093	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	03	88	4,5	01	Duy	le'
26	000094	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	03	89	7,0	01	Duyên	chấn
27	000095	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	03	90	7,0	01	Hà	le'
28	000096	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	03	91	3,3	01	Hiếu	chấn
29	000097	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	03	92	4,3	01	Hòa	le'
30	000098	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	03	93	3,0	01	Hoàng	chấn
31	000099	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	03	94	1,5	01	Hoàng	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	000100	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	03	95	6,3	01	Huỳnh	chấn
33	000101	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	03	96	5,8	01	Huỳnh	Lê
34	000102	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	03	98	6,5	01	Huỳnh	chấn
35	000103	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	03	97	7,0	01	Thị	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 36...

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 25 tháng 05 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Cường
Đỗ Thị Loan



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000104	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	03	1	6,5	1	Kiên	chẵn
2	000105	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	03	2	4,0	1	Hoàng	lẻ
3	000106	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	03	3	4,8	1	Liên	chẵn
4	000107	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	03	4	6,5	1	Linh	lẻ
5	000108	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	03	5	5,0	1	Linh	chẵn
6	000109	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	03	6	6,3	1	Linh	lẻ
7	000110	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	03	7	4,3	01	Linh	chẵn
8	000111	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	03	8	6,5	01	Lộc	lẻ
9	000112	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	03	9	5,3	01	Lương	chẵn
10	000113	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	03	10	5,0	01	Minh	lẻ
11	000114	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	03	11	4,3	01	My	chẵn
12	000115	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	03	12	4,5	01	Nam	lẻ
13	000116	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	03	13	7,0	02	Nhung	chẵn
14	000117	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	03	14	4,0	01	Phát	lẻ
15	000118	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	03	15	6,3	01	Phương	chẵn
16	000119	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	03	16	2,0	01	Quân	lẻ
17	000120	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	03	17	5,5	01	Quỳnh	chẵn
18	000121	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	03	18	5,8	01	Thắm	lẻ
19	000122	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	03	19	3,5	01	Thắng	chẵn
20	000123	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	03	20	3,0	1	Thanh	lẻ
21	000124	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	03	21	8,5	1	Thu	chẵn
22	000125	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	03	22	4,5	1	Thư	lẻ
23	000126	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	03	23	5,3	1	Thủy	chẵn
24	000127	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	03	24	6,5	1	Thúy	lẻ
25	000128	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	03	25	6,0	1	Tiến	chẵn
26	000129	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	03	26	5,8	2	Toàn	lẻ
27	000130	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	03	27	4,5	1	Trân	chẵn
28	000131	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	03	28	6,0	2	Trang	lẻ
29	000132	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	03	29	5,0	1	Trang	chẵn
30	000133	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	03	30	4,3	01	Trang	lẻ
31	000134	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03	31	4,5	01	Trúc	chẵn
32	000135	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	03	32	4,8	01	Tùng	lẻ
33	000136	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	03	33	2,5	01	Nhật	HP
34	000137	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	03					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 33...

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lệ

Ngô Thị An